

Bản án số: 191/2021/HS-ST
Ngày 31-12-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Xuân Quyết

Ông Nguyễn Đức Mạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mai Phương – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 195/2021/TLST-HS ngày 07 tháng 9 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 172/2021/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 10 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 670/2021/HSST-QĐ ngày 20/10/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 718/2021/HSST-QĐ ngày 18/11/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 762/2021/HSST-QĐ ngày 03/12/2021 đối với các bị cáo:

1. NTT, sinh ngày 31 tháng 5 năm 1974 tại Hà Nội. Nơi cư trú: Số 3, hẻm 34/68/2 đường A, phường B, quận C, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Giám đốc Công ty Cổ phần thương mại D; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông E và bà F (đã chết); có chồng là G; có 03 con: lớn nhất sinh năm: 1998, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị tạm giữ từ ngày 10/12/2020 đến 18/12/2020 chuyển tạm giam; ngày 27/01/2021 Quyết định thay thế biện pháp ngăn chặn từ tạm giam sang Bảo lãnh; có mặt.

2. NQD, sinh ngày 17 tháng 8 năm 1989 tại Hải Dương. Nơi cư trú: Đội 1, thôn H, xã I, huyện J, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông K (đã chết) và bà L; có vợ là M; có 03 con: lớn nhất sinh năm: 2013, nhỏ

nhất sinh năm: 2017; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị tạm giữ từ ngày 10/12/2020 đến 18/12/2020 chuyển tạm giam; ngày 27/01/2021 Quyết định thay thế biện pháp ngăn chặn từ tạm giam sang Bảo lãnh; có mặt.

3. NTQT, sinh ngày 02 tháng 11 năm 1981 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Số 20, đường N, phường O, quận P, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Q (đã chết) và bà: R; có 02 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/8/2020 đến 08/8/2020 chuyển tạm giam; ngày 28/12/2020 Quyết định thay thế biện pháp ngăn chặn từ tạm giam sang Bảo lãnh; có mặt.

- *Người làm chứng*: Anh NLC1, chị NLC2, chị NLC3, anh NLC4, chị NLC5, anh NLC6, anh NLC7, chị NLC8, chị NLC9; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong quá trình điều tra vụ án “VTTD cùng đồng phạm mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước”, khám xét nơi làm việc tại thôn S, xã T, huyện U, thành phố Hải Phòng của NTQT sinh năm: 1981, HKTT tại: Số 20, phố N, phường O, quận P, thành phố Hải Phòng, Cơ quan An ninh điều tra thu được 03 bộ dấu và chứng từ tài liệu của 07 công ty:

- Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ xây dựng V, Mã số doanh nghiệp (viết tắt là MSDN): 2400802587, cấp ngày 01/11/2016 có trụ sở tại: số nhà 87, khu 4, thị trấn W, huyện X, tỉnh Bắc Giang (viết tắt là Công ty V).

- Công ty TNHH Thương mại và xây dựng Y, MSDN: 2400834726, cấp ngày 26/3/2018 có trụ sở tại: thôn Z, xã AA, huyện X, tỉnh Bắc Giang (viết tắt là Công ty Y).

- Công ty TNHH Thương mại và xây dựng AB, MSDN: 2400839403, cấp ngày 21/5/2018 có trụ sở tại: thôn AC, xã AD, huyện AE, tỉnh Bắc Giang (viết tắt là Công ty AB).

- Công ty TNHH xây dựng thương mại dịch vụ AF, MSDN: 2400862219, cấp ngày 24/4/2019 có trụ sở tại: Lô 16-CL30 khu đất ở và kinh doanh dịch vụ xã AD, huyện AE, tỉnh Bắc Giang (viết tắt là Công ty AF).

- Công ty TNHH Thương mại xây dựng và dịch vụ AG, MSDN: 2400875634, cấp ngày 15/11/2019 có trụ sở tại: thôn Z, thị trấn AH, huyện AE, tỉnh Bắc Giang (viết tắt là Công ty AG).

- Công ty TNHH Thương mại xây dựng và dịch vụ AI: 2400875627, cấp ngày 15/11/2019 có trụ sở tại: Phố AJ, thị trấn AK, huyện AE, tỉnh Bắc Giang (viết tắt là Công ty AI).

- Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Tổng hợp AL: 2400882631, cấp ngày 21/02/2020 có trụ sở tại: thôn AM, xã AN, huyện AE, tỉnh Bắc Giang (viết tắt là Công ty AL).

NTQT khai nhận: các công ty trên đều do AO, sinh năm: 1974, HKTT tại: thôn S, xã T, huyện U, thành phố Hải Phòng thành lập, tại các công ty không có hoạt động sản xuất kinh doanh gì mà chỉ để AO sử dụng ghi không nội dung hàng hóa, dịch vụ rồi bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng (viết tắt là hóa đơn GTGT) nhằm thu lợi bất chính.

1. Hành vi mua bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng của NTQT.

NTQT khai nhận: Do có quan hệ tình cảm với AO, nên từ tháng 4 năm 2019 đến tháng 3 năm 2020, NTQT đã giúp sức cho AO để AO thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn GTGT tại 06 công ty: AB, Y, AF, AI, AG, AL. Cụ thể:

Hàng quý, AO cho người chuyên tài liệu (hóa đơn, chứng từ) cho NTQT để NTQT thực hiện việc kê khai báo cáo thuế tại 04 công ty: từ quý 2 năm 2019 đến quý 1 năm 2020 của Công ty AF; từ quý 4 năm 2019 đến quý 1 năm 2020 của Công ty AI; từ quý 4 năm 2019 đến quý 1 năm 2020 của Công ty AG; quý 1 năm 2020 của Công ty AL. Theo tài liệu do chi cục thuế cung cấp thì trong khoảng thời gian nêu trên, Công ty AL xuất bán 15 hóa đơn với tổng số tiền hàng chưa thuế là 3.850.419.936 đồng; Công ty AG xuất bán 47 hóa đơn với tổng số tiền hàng chưa thuế là 31.670.984.182 đồng; Công ty AI xuất bán 84 hóa đơn với tổng số tiền hàng chưa thuế là 28.021.898.461 đồng; Công ty AF xuất bán 506 hóa đơn với tổng số tiền hàng chưa thuế là 127.567.742.689 đồng; Công ty Y xuất bán 02 hóa đơn với số tiền hàng chưa thuế 60.000.000 đồng; Công ty AB xuất bán 01 hóa đơn với số tiền hàng chưa thuế là 794.345.000 đồng.

Theo chỉ đạo của AO, NTQT đã trực tiếp bán cho NQD tổng số 27 hóa đơn của các Công ty AF, AI ghi không số tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế là 22.814.700.000 đồng, trong đó Công ty AF là 20 hóa đơn, Công ty AI là 07 hóa đơn.

NTQT còn thực hiện việc đi giao dịch ngân hàng 26 lần để hợp thức hóa khoảng 12 hóa đơn bán trái phép tại các Công ty AB, Y, AF, AI, AG tương ứng với số tiền là 10.243.949.832 đồng, trong thời gian từ tháng 9 năm 2019 đến tháng 7 năm 2020. NTQT nhờ AP, sinh năm: 1987, HKTT tại: thôn S, xã T, huyện U, thành phố Hải Phòng đi giao dịch ngân hàng 05 lần tại các Công ty Y, AF, AI tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế ghi không là 824.345.000 đồng nhưng không cho AP

biết việc đi giao dịch ngân hàng là để hợp thức hóa cho việc mua bán trái phép hóa đơn GTGT.

Do có sự quen biết với chị NLC5, sinh năm 1995, HKTT tại: thôn AQ, xã AR, huyện AS, thành phố Hải Phòng và anh AT sinh năm 1969, ĐKTT tại: phường AU, quận AV, thành phố Hải Phòng; NTQT đã mượn chứng minh thư nhân dân của NLC5 để NLC5 đứng tên kế toán tại Công ty AI, AL và mượn sổ hộ khẩu, chứng minh thư nhân dân của anh Toàn để anh Toàn đứng tên kế toán Công ty AG và giám đốc Công ty AL.

Như vậy, tổng cộng NTQT đã giúp sức cho AO bán trái phép 655 hóa đơn ghi không tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế là 191.965.390.268 đồng. NTQT khai không được AO trả công cho các hành vi giúp sức này, do NTQT và AO sống với nhau như vợ chồng, nên hàng tháng AO chỉ đưa tiền cho NTQT để chi phí sinh hoạt chung.

Ngoài hành vi mua bán trái phép hóa đơn GTGT nêu trên, NTQT còn thực hiện hành vi đồng phạm với VTTD, sinh năm: 1981, HKTT tại: số 654 Lô 22, phường AW, quận P, thành phố Hải Phòng mua bán trái phép hóa đơn GTGT trong vụ án “VTTD cùng đồng phạm mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước” do Cơ quan An ninh điều tra – Công an thành phố Hải Phòng thụ lý điều tra theo Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 07 ngày 04/8/2020. Cụ thể:

Từ tháng 8 năm 2010 đến tháng 5 năm 2020, VTTD đã thành lập công ty và sử dụng công ty do các đối tượng khác thành lập để thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước tại 07 công ty gồm: Công ty TNHH thương mại và dịch vụ AX - MSDN 0201105926; Công ty Cổ phần thương mại và xuất nhập khẩu AX -MSDN 0201190449; Công ty TNHH thương mại và xây dựng AY - MSDN 0201122745; Công ty TNHH thương mại vật liệu xây dựng AZ - MSDN 0201259203; Công ty TNHH thương mại BA - MSDN 0201316028; Công ty TNHH phát triển thương mại vận tải dịch vụ BB - MSDN 0201863944; Công ty TNHH xây dựng thương mại và vận tải BC - MSDN 0201893850.

Để giúp sức cho việc mua bán hóa đơn GTGT nêu trên, VTTD thuê NTQT làm kế toán từ tháng 8 năm 2010, NTQT đã thực hiện các công việc: đứng tên Giám đốc Công ty TNHH AX khi thành lập; đưa mẹ đẻ là bà R, sinh năm 1953, HKTT tại 20 phố N, phường O, quận P, thành phố Hải Phòng ký giấy tờ thủ tục đứng tên giám đốc thành lập Công ty AY; kê khai báo cáo thuế cho các Công ty TNHH AX, Công ty AX, AY, AZ từ khi thành lập đến năm 2017; đi giao dịch ngân hàng cho cả 07 công ty cho đến tháng 12 năm 2019. NTQT đã giúp sức VTTD bán trái phép tổng số 1.490 hóa đơn, ghi không số tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế 953.891.406.610 đồng.

NTQT khai nhận bản thân biết việc VTTD thành lập các công ty để mua bán trái phép hóa đơn, NTQT giúp sức cho VTTD bán hóa đơn để được VTTD thuê bán hàng tiêu dùng, mỹ phẩm tại cửa hàng của VTTD tại 27 phố Trần Khánh Dư, quận P, thành phố Hải Phòng. VTTD chỉ trả NTQT tiền công cho NTQT bán hàng và giao hàng tiêu dùng, mỹ phẩm cho VTTD (tổng cộng 347 triệu đồng), việc NTQT làm kế toán giúp cho VTTD bán trái phép hóa đơn là do NTQT nể nang VTTD, NTQT không được trả công cho việc làm này. Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Phòng đã tiến hành cho VTTD và NTQT đối chất với nhau về số tiền VTTD đã trả cho NTQT do việc NTQT làm kế toán cho VTTD, cả hai vẫn giữ nguyên lời khai của bản thân.

2. Hành vi mua bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng của NQD:

NQD khai nhận: qua quan hệ xã hội, NQD có quen với AO, sinh năm: 1974, HKTT tại: thôn S, xã T, huyện U, thành phố Hải Phòng và được AO cho biết bản thân có thành lập các Công ty V, AB, Y, AI, AF, AG, AL đều không có hoạt động sản xuất kinh doanh mà chỉ để bán trái phép hóa đơn ghi không nội dung hàng hóa, dịch vụ không có trên thực tế. Từ cuối năm 2016 đến tháng 7 năm 2020, NQD, đã thực hiện hành vi giúp sức cho AO mua bán trái phép hóa đơn GTGT tại các Công ty: V, AB, Y, AI, AF, AL. Cụ thể:

- NQD đã thực hiện việc giao dịch ngân hàng 110 lần để hợp thức hóa việc mua bán trái phép 150 hóa đơn GTGT, với số tiền giao dịch là 60.784.709.443 đồng. Trong đó: NQD trực tiếp đi giao dịch ngân hàng 89 lần cho các Công ty V, AB, Y, AI, AF, AL. Ngoài ra NQD nhờ vợ là M, sinh năm 1991 (cùng nơi cư trú với NQD) đi giao dịch ngân hàng 21 lần cho các Công ty AB, Y, AF nhưng không cho Nhung biết việc đi giao dịch ngân hàng là để hợp thức hóa cho việc mua bán trái phép hóa đơn GTGT của các công ty. NQD được AO trả công 300.000 đồng/01 tỷ đồng tiền giao dịch, tổng cộng NQD được trả công 18.235.412 đồng.

- NQD mua tổng số 29 hóa đơn GTGT ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế 23.902.327.400 đồng, gồm 02 hóa đơn của Công ty Y, 20 hóa đơn của Công ty AF và 07 hóa đơn của Công ty AI từ AO với giá 3,5%/ tổng tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế ghi không trên hóa đơn rồi bán cho NTT là giám đốc Công ty Cổ phần thương mại D - MSDN: 0801037393 với giá 4,5%/ tổng tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế ghi không trên hóa đơn, NQD thu lời 01% được số tiền 239.023.274 đồng.

3. Hành vi trốn thuế của NTT:

NTT là Giám đốc Công ty Cổ phần thương mại D - MSDN 0801037393 khai nhận: Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, mua bán thương mại gỗ ván bóc. Từ tháng 6/2019 đến tháng 6 năm 2020, NTT đã mua cho Công ty D gỗ ván bóc không rõ nguồn gốc xuất xứ, không có hóa đơn GTGT kèm theo. Để hợp thức

hóa đầu vào và giảm tiền thuế GTGT phải nộp vào ngân sách nhà nước cho Công ty D, NTT đã mua của NQD 29 hóa đơn GTGT ghi không tổng tiền hàng hóa chưa thuế 23.902.327.400 đồng, gồm 02 hóa đơn của Công ty Y, 20 hóa đơn của Công ty AF, 07 hóa đơn của Công ty AI, với giá 4,5% tiền hàng ghi không trên hóa đơn. Thực tế giữa Công ty D và các công ty xuất hóa đơn đều không mua bán hàng hóa, dịch vụ gì. NTT đã sử dụng 28 hóa đơn, tổng tiền hàng hóa chưa thuế ghi không 23.176.327.400 đồng để kê khai hạch toán thuế GTGT đầu vào cho Công ty D trong các kỳ kê khai thuế từ quý 2 năm 2019 đến quý 2 năm 2020, còn 01 hóa đơn của Công ty Y tiền hàng hóa chưa thuế ghi không 726.000.000 đồng NTT không sử dụng.

Tại bản Kết luận giám định ngày 08/01/2021 của Cục Thuế tỉnh Hải Dương kết luận: Công ty D sử dụng bất hợp pháp 28 số hóa đơn không đủ điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào là 2.317.632.740 đồng để kê khai khấu trừ thuế đầu vào dẫn đến trốn thuế và làm thất thu Ngân sách nhà nước số tiền 2.317.632.740 đồng.

- Giám đốc các công ty gồm: NLC1, sinh năm: 1985, HKTT tại thôn BD, xã BE, huyện J, tỉnh Hải Dương là người đứng tên giám đốc Công ty AB khai: có nhờ AO giúp làm thủ tục đi lao động Hàn Quốc và đã đưa hộ chiếu cho AO nhưng không biết việc bản thân đứng tên giám đốc, không biết gì về hoạt động kinh doanh của công ty; NLC2, sinh năm: 1972, HKTT tại: thôn S, xã T, huyện U, thành phố Hải Phòng là người đứng tên giám đốc Công ty AI khai: bản thân bị mất chứng minh thư nhân dân, không biết mình đứng tên giám đốc, không biết gì về hoạt động kinh doanh của công ty.

- Giám đốc các công ty gồm: AT, sinh năm: 1969, HKTT tại: tổ 3, khu 4, phường AU, quận AV, thành phố Hải Phòng là người đứng tên Giám đốc Công ty AL, Kế toán Công ty AG bị tai biến nặng từ năm 2018, cơ quan điều tra không ghi được lời khai; BF, sinh năm: 1986, HKTT tại: thôn BG, xã BH, huyện J, tỉnh Hải Dương là người đứng tên giám đốc Công ty AF; BI, sinh năm: 1984, HKTT tại: khu BJ, thị trấn BK, huyện BK, tỉnh Lạng Sơn là người đứng tên Giám đốc Công ty AG; BL, sinh năm: 1987, HKTT tại: thôn BM, xã BN, huyện BO, tỉnh Bắc Ninh là người đứng tên Giám đốc Công ty Y; BP, sinh năm: 1989, HKTT tại: thôn BQ, xã AD, huyện AE, tỉnh Bắc Giang là người đứng tên Giám đốc Công ty V vắng mặt tại địa phương, cơ quan điều tra chưa ghi được lời khai.

- Kế toán các công ty gồm: NLC3, sinh năm: 1982, HKTT tại: tổ dân phố số 5, thị trấn U, huyện U, thành phố Hải Phòng và NLC4, sinh năm: 1977, HKTT tại: thôn BR, xã BS, huyện J, tỉnh Hải Dương đứng tên Kế toán trong hồ sơ mở tài khoản Công ty AF; NLC5, sinh năm: 1995, HKTT tại: thôn AQ, xã AR, huyện AS, thành phố Hải Phòng đứng tên Kế toán trong hồ sơ mở tài khoản Công ty AI và Công ty AL; NLC6, sinh năm: 1985, HKTT tại: thôn BT, xã BU, huyện J, tỉnh Hải

Dương và NLC7, sinh năm: 1973, HKTT tại: thôn BV, xã BW, huyện BX, tỉnh Bắc Giang đứng tên Kế toán trong hồ sơ mở tài khoản Công ty AB. Các cá nhân trên khai không biết việc bản thân có đứng tên trong hồ sơ, không tham gia và không biết gì về hoạt động kinh doanh của các công ty.

- Kế toán các công ty gồm: BY, sinh năm: 1975, HKTT tại: thôn BZ, xã CA, huyện BO, tỉnh Bắc Ninh và CB, sinh năm: 1980, HKTT tại: ngõ 416, CC, phường CD, thành phố CE, tỉnh Bắc Ninh là người đứng tên Kế toán trong hồ sơ mở tài khoản Công ty V đều vắng mặt tại địa phương, cơ quan điều tra chưa ghi được lời khai.

- Những người đứng tên giao dịch ngân hàng cho các công ty: NLC8, sinh năm: 1983, HKTT tại: thôn CF, xã AD, huyện U, thành phố Hải Phòng và NLC9, sinh năm: 1997, HKTT tại: khu dân cư CG, phường CH, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương khai được AO thuê đi giao dịch ngân hàng nhưng không biết là để phục vụ việc mua bán trái phép hóa đơn. AP, sinh năm: 1987, HKTT tại: thôn S, xã T, huyện U, thành phố Hải Phòng khai được NTQT nhờ đi giao dịch ngân hàng nhưng không biết là để phục vụ việc mua bán trái phép hóa đơn.

Xác minh tại địa chỉ trụ sở các Công ty AB, Y, AF, AG, AI, AL, V đều không có công ty nào hoạt động.

Ngoài Công ty Cổ phần thương mại D có Giám đốc NTT (bị cáo trong vụ án) mua hóa đơn ghi khống nội dung tiền hàng hóa dịch vụ để trốn thuế, cơ quan điều tra đã xác minh được 54 công ty đầu ra khác của 07 công ty bán trái phép hóa đơn: 38 công ty cho biết có mua hàng hóa, dịch vụ trên thực tế và được người bán hàng (không rõ nhân thân lai lịch) xuất hóa đơn GTGT và đã sử dụng kê khai thuế GTGT đầu vào; 09 công ty có người đại diện pháp luật vắng mặt tại địa phương, chưa ghi được lời khai; 07 công ty không kê khai sử dụng hóa đơn.

Tại bản Cáo trạng số 144/CT-VKS-P1 ngày 06 tháng 9 năm 2021, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố: Bị cáo NTT về tội “Trốn thuế” theo khoản 3 Điều 200 Bộ luật Hình sự; bị cáo NQD về tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước” theo điểm d, đ, e khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự; bị cáo NTQT về tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước” theo điểm d, e khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo NTT, NQD và NTQT khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ khoản 3 Điều 200; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử: Phạt tiền bị cáo NTT từ **1,6 tỷ đồng đến 1,9 tỷ đồng** để sung quỹ Nhà nước.

- Căn cứ điểm d, đ, e khoản 2 Điều 203; Điều 17; Điều 58; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử: Phạt tiền bị cáo NQD từ **200 triệu đồng đến 250 triệu đồng** để sung quỹ Nhà nước.

- Căn cứ điểm d, e khoản 2 Điều 203; Điều 17; Điều 58; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử: Phạt tiền bị cáo NTQT từ **200 triệu đồng đến 250 triệu đồng** để sung quỹ Nhà nước.

- *Về số tiền thu lợi bất chính* : Bị cáo NTT đã nộp 1.500.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính. Bị cáo NQD đã nộp 150.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính. Vì vậy, cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước số tiền thu lợi bất chính còn lại mà các bị cáo còn phải nộp như sau: Bị cáo NTT còn phải nộp tiếp số tiền 817.632.740 đồng, bị cáo NQD còn phải nộp tiếp số tiền 107.258.686 đồng.

- Về xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nói lời sau cùng : Các bị cáo xin được áp dụng hình phạt chính là phạt tiền và các bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- *Về tố tụng:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, người làm chứng vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Xét thấy, những người làm chứng đã có đầy đủ lời khai tại Cơ quan điều tra nên việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án vì vậy Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- *Về tội danh:*

[3] Từ tháng 8 năm 2010 đến tháng 5 năm 2020 và từ tháng 4 năm 2019 đến tháng 3 năm 2020, NTQT đã có hành vi giúp sức cho các đối tượng AO và VTTD

bán trái phép tổng số 2.145 hóa đơn GTGT, ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế 1.145.856.796.878 đồng. NTQT, không thu lời bất chính từ việc giúp sức cho AO và VTDD.

[4] Từ cuối năm 2016 đến tháng 7 năm 2020, NQD đã có hành vi giúp sức cho AO bán trái phép tổng số 179 hóa đơn, ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế 84.687.036.843 đồng. NQD thu lời bất chính số tiền là 257.258.686 đồng.

[5] Từ tháng 6/2019 đến tháng 6 năm 2020, NTT để hợp thức hóa đầu vào và giảm tiền thuế GTGT phải nộp vào ngân sách nhà nước cho Công ty D, bị cáo NTT đã mua của NQD tổng số 29 hóa đơn GTGT và sử dụng 28 hóa đơn GTGT, tổng số tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế ghi không trên hóa đơn là 23.176.327.400 đồng để kê khai làm đầu vào cho Công ty D - MSDN 0801037393, gây thất thu thuế của Nhà nước số tiền 2.317.632.740 đồng. Với hành vi nêu trên các bị cáo NTQT và NQD đều bị xét xử về tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp Ngân sách Nhà nước” theo Điều 203 Bộ luật Hình sự, bị cáo NTT bị xét xử về tội “Trốn thuế” Điều 200 Bộ luật Hình sự như Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố kết luận là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

[6] Tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến chế độ quản lý hóa đơn, chứng từ của nhà nước và chế độ quản lý thuế của Nhà nước đồng thời xâm phạm đến hoạt động quản lý thu, chi ngân sách nhà nước; xâm hại đến lợi ích quốc gia về kinh tế, làm suy giảm đến Ngân sách Nhà nước, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội. Vì vậy, phải xử lý các bị cáo nghiêm thì mới có tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo và đáp ứng yêu cầu phòng chống tội phạm nói chung.

- Về tình tiết định khung hình phạt:

[7] Đối với tội “Trốn thuế”: Bị cáo NTT đã có hành vi mua trái phép và sử dụng 29 hóa đơn GTGT và sử dụng 28 hóa đơn GTGT, tổng số tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế ghi không trên hóa đơn là 23.176.327.400 đồng gây thất thu thuế của Nhà nước số tiền 2.317.632.740 đồng nên bị cáo NTT bị xét xử về tội “Trốn thuế” theo khoản 3 Điều 200 Bộ luật Hình sự.

[8] Bị cáo NQD đã có hành vi bán trái phép tổng số 179 hóa đơn, ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế 84.687.036.843 đồng thu lời bất chính số tiền là 257.258.686 đồng. Bị cáo NTQT đã có hành vi bán trái phép tổng số 2.145 hóa đơn GTGT, ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế 1.145.856.796.878 đồng nhưng không thu lời bất chính. Chính vì vậy, hành vi của bị cáo NTQT bị xét xử tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp Ngân sách Nhà nước” theo điểm d, e khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự. Bị cáo NQD bị xét xử tội “Mua bán trái

phép hóa đơn thu nộp Ngân sách Nhà nước ” theo điểm d , đ, e khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

- *Về vai trò:* Vụ án có đồng phạm do đó cần phân hóa vai trò của các bị cáo để áp dụng mức hình phạt tương xứng cụ thể như sau:

[9] Đối với tội “*Trốn thuế*”: Bị cáo NTT là người trực tiếp liên hệ với bị cáo NQD để mua bán trái phép hóa đơn hạch toán để hàng hóa đầu vào với mục đích giảm số thuế phải nộp gây thất thu thuế của Nhà nước với số tiền lớn.

[10] Đối với tội “*Mua bán hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước*”: Bị cáo NQD có vai trò chính, là người trực tiếp giúp sức cho đối tượng AO, mua bán số lượng hóa đơn nhiều đồng thời còn thu lợi bất chính lớn nên bị cáo NQD có vai trò cao hơn bị cáo NTQT. Bị cáo NTQT có hành vi giúp sức cho đối tượng AO mua bán trái phép hóa đơn nhưng không thu lợi bất chính nên bị cáo NTQT có vai trò thấp hơn bị cáo NQD.

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:*

[11] Các bị cáo NQD, NTQT, NTT đều “*phạm tội từ 02 lần trở lên*” nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

[12] Sau khi phạm tội các bị cáo NTT, NQD, NTQT thành khẩn khai báo ăn năn hối cải nên được áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo NTT và NQD đã nộp lại một phần số tiền thu lợi bất chính nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- *Về hình phạt:*

[13] Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo và xét các bị cáo đều có đơn đề nghị được áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính và cam kết có đủ điều kiện để thi hành hình phạt tiền. Xét thấy, tội phạm các bị cáo thực hiện là loại tội phạm về kinh tế, điều luật áp dụng có quy định hình phạt chính là hình phạt tiền nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 35 Bộ luật Hình sự áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe các bị cáo và bảo đảm việc thu hồi tài sản cho Nhà nước. Bị cáo NTQT phạm tội nhưng không thu lợi bất chính nên cần phạt tiền ở mức khởi điểm của khung hình phạt. Các bị cáo NTT và NQD phạm tội nhưng thu lợi bất chính nên cần phải xử mức phạt tiền trên mức khởi điểm của khung hình phạt.

- *Về số tiền thu lợi bất chính:*

[14] Bị cáo NTT được hưởng lợi số tiền 2.317.632.740 đồng do hành vi trốn thuế. Trước khi xét xử bị cáo NTT đã tự nguyện nộp số tiền 1.500.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Vì vậy, cần buộc bị cáo NTT phải tiếp tục nộp số tiền trốn thuế

còn lại là 817.632.740 đồng để sung quỹ Nhà nước. Bị cáo NQD được hưởng lợi số tiền 257.258.686 đồng từ việc mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ. Bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 150.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Vì vậy, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền thu lợi bất chính còn lại mà các bị cáo còn phải nộp: Bị cáo NTT còn phải nộp tiếp số tiền 817.632.740 đồng, bị cáo NQD còn phải nộp tiếp số tiền 107.258.686 đồng.

- *Về vật chứng:*

[15] Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ : 01 CPU máy tính màu đen, nhãn hiệu COOLERPLUS đã qua sử dụng, 01 máy tính nhãn hiệu Sony Vaio màu bạc đã qua sử dụng SN 275539537000663 không pin, 03 dấu tròn của các công ty AF, AL, AI, 03 dấu chức danh giám đốc tên AT, NLC2, BF.

[16] Hội đồng xét xử xét: Đối với 01 CPU máy tính màu đen nhãn hiệu COOLERPLUS; 01 máy tính nhãn hiệu Sony Vaio màu bạc do các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. Đối với 03 dấu tròn, 03 dấu chức danh không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- *Các vấn đề khác:*

[17] Đối với hành vi mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp Ngân sách Nhà nước của VTTD: Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã xét xử VTTD tại Bản án hình sự sơ thẩm số 113/HSST ngày 04/4/2021 và phạt VTTD số tiền 280.000.000 đồng về tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp Ngân sách Nhà nước”.

[18] Đối với AO hiện bỏ trốn, Cơ quan điều tra đã ra quyết định truy nã, khi nào bắt được sẽ lập hồ sơ xử lý sau. Cơ quan điều tra tách rút hồ sơ, tài liệu có liên quan để tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau đối với: giám đốc các công ty hiện vắng mặt tại địa phương cơ quan điều tra chưa ghi được lời khai; các công ty sử dụng hóa đơn GTGT đầu ra của 07 công ty trên chưa điều tra, xác minh được; các đối tượng mua, bán hoá đơn GTGT với AO hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch để tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

- *Về án phí:*

[19] Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- *Về quyền kháng cáo:*

[20] Các bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 200; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử: Phạt tiền bị cáo **NTT 1.600.000.000đ (Một tỷ sáu trăm triệu đồng)** về tội “Trốn thuế” để sung quỹ Nhà nước.

- Căn cứ điểm d, đ, e khoản 2 Điều 203; Điều 17; Điều 58; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử: Phạt tiền bị cáo **NQD 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng)** về tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp Ngân sách Nhà nước” để sung quỹ Nhà nước.

- Căn cứ điểm d, e khoản 2 Điều 203; Điều 17; Điều 58; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử: Phạt tiền bị cáo **NTQT 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng)** về tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp Ngân sách Nhà nước” để sung quỹ Nhà nước.

- Về số tiền thu lợi bất chính: Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo NTT đã nộp là 1.500.000.000 đồng, bị cáo NQD đã nộp số tiền 150.000.000 đồng.

(Theo các Biên lai thu tiền số 0000038 ngày 11 tháng 11 năm 2021 của bị cáo NTT; Biên lai thu tiền số 0000194 ngày 30 tháng 11 năm 2021 và Biên lai thu tiền số 0000247 ngày 30 tháng 12 năm 2021 của bị cáo NQD tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng).

Bị cáo NTT còn phải tiếp tục nộp số tiền thu lợi bất chính là 817.632.740đ (Tám trăm mười bảy triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn bảy trăm bốn mươi đồng); bị cáo NQD còn phải nộp tiếp số tiền thu lợi bất chính là 107.258.686đ (Một trăm linh bảy triệu hai trăm năm mươi tám nghìn sáu trăm tám mươi sáu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 CPU máy tính màu đen, nhãn hiệu COOLERPLUS đã qua sử dụng, 01 máy tính nhãn hiệu Sony Vaio màu bạc đã qua sử dụng SN 275539537000663 không pin.

+ Tịch thu tiêu hủy: 03 dấu tròn của các Công ty AF, AL, AI, 03 dấu chức danh giám đốc tên AT, NLC2, BF.

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo NTT, NQD và NTQT mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- *Về quyền kháng cáo:* Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

- *Về quyền thi hành án:* Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi , bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án , người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án , quyền yêu cầu thi hành án , tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi , bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSNDCC;
- Vụ 1- TANDTC;
- VKSND TP Hải Phòng;
- PV06 Công an TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TPHP;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV và THA
- Lưu: HS, HCTP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thu Hằng